

Số: 117/QĐ-GDNN-GD TX 1

Điện Biên, ngày 11 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán chi ngân sách quý I năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GDNN- GD TX 1

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Thành lập các Trung tâm GDNN - GD TX khu vực trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Theo đề nghị của Phụ trách kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

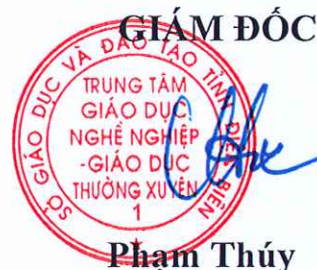
Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán chi ngân sách quý I năm 2026 của Trung Tâm GDNN-GD TX 1 (như biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận có liên quan, bộ phận kế toán tài vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HSCV TT
- Website
- Lưu: -VT.



Phạm Thúy

Điện Biên Phủ, ngày 11 tháng 05 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

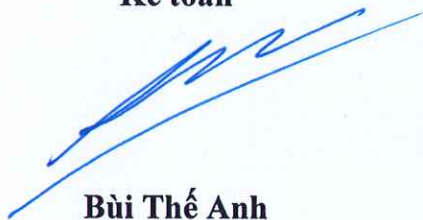
Trung tâm GDNN - GDTX 1 công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I/2026 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí				
2	Trông giữ xe				
3	Nước uống				
4	Dọn vệ sinh				
5	Dạy thêm, học thêm				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			
2	Chi quản lý hành chính (10% dạy thêm học thêm)	-			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Trông giữ xe (10%)	-			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.905.738.863	3.905.738.863	1,0000	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.905.738.863	3.905.738.863	1,0000	-
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.905.738.863	3.905.738.863	1,0000	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.905.738.863	3.905.738.863	1,0000	
II	Nguồn vốn viện trợ	-			
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-			
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				

Kế toán



Bùi Thế Anh

Ngày 11 tháng 05 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thuý

Mã chương: 422

Đơn vị: Trung tâm giáo dục Nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên 1

Mã ĐVQHNS: 1031669

Mã cấp NS: 2

Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN khu vực X - Phòng Kế toán Nhà nước

Mã hồ sơ:  Ngày ký: 06/04/2026 16:45:01
Chức danh: Phó trưởng phòng
Số: 1031669/ĐVQHNS - X - Phòng
Kế toán Nhà nước
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 26

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 1 / Năm 2026

Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9=5-7
12	072	20515	372.000.000	0	0	0	372.000.000	0	0	0	372.000.000
12	075	00000	710.326.000	21.374.000.000	21.374.000.000	21.374.000.000	22.084.326.000	3.654.064.356	3.654.064.356	0	18.430.261.644
12	075	10515	2.511.792.747	0	0	0	2.511.792.747	0	0	0	2.511.792.747
12	075	10474	1.847.000.000	0	0	0	1.847.000.000	0	0	0	1.847.000.000
12	075	20474	61.000.000	0	0	0	61.000.000	0	0	0	61.000.000
12	085	00000	0	3.586.000.000	3.586.000.000	3.586.000.000	3.586.000.000	251.674.507	251.674.507	0	3.334.325.493
18	075	00000	0	762.740.000	762.740.000	762.740.000	762.740.000	0	0	0	762.740.000
Cộng:			5.502.118.747	25.722.740.000	25.722.740.000	25.722.740.000	31.224.858.747	3.905.738.863	3.905.738.863	0	27.319.119.884
Phần KBNN ghi:											

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

Kế toán

(Ký tên)

Trần Thu Huyền

Kiểm soát

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Phạm Thị Nụ
Ngày ký: 06/04/2026 16:45:01
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN khu vực X - Phòng Kế toán Nhà nước

Phạm Thị Nụ

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Người ký: Bùi Thế Anh
Ngày ký: 06/04/2026 10:08:36
Đơn vị: Trung tâm giáo dục Nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên 1

Bùi Thế Anh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Phạm Thuý
Ngày ký: 06/04/2026 14:21:56
Đơn vị: Trung tâm giáo dục Nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên 1

Phạm Thuý


Mã chương: 422

Đơn vị: Trung tâm giáo dục Nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên 1

Mã ĐVQHNS: 1031669

Mã cấp NS: 2

Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN khu vực X - Phòng Kế toán Nhà nước

Mã hồ sơ:  SD 26-1031669

Ngày ký: 06/04/2026 16:45:01
 Chức danh: Phó trưởng phòng
 SD 26-1031669
 Kế toán Nhà nước
 Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
 chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 28

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã nội dung kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	075	6001	00000	0	0	1.933.846.199	1.933.846.199	1.933.846.199	1.933.846.199
Phụ cấp chức vụ	12	075	6101	00000	0	0	29.952.000	29.952.000	29.952.000	29.952.000
Phụ cấp khu vực	12	075	6102	00000	0	0	251.784.000	251.784.000	251.784.000	251.784.000
Phụ cấp thu hút	12	075	6103	00000	0	0	37.592.100	37.592.100	37.592.100	37.592.100
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	075	6112	00000	0	0	570.650.862	570.650.862	570.650.862	570.650.862
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12	075	6113	00000	0	0	15.093.000	15.093.000	15.093.000	15.093.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	12	075	6115	00000	0	0	285.330.607	285.330.607	285.330.607	285.330.607
Bảo hiểm xã hội	12	075	6301	00000	0	0	393.597.541	393.597.541	393.597.541	393.597.541
Bảo hiểm y tế	12	075	6302	00000	0	0	67.473.864	67.473.864	67.473.864	67.473.864
Bảo hiểm thất nghiệp	12	075	6304	00000	0	0	22.491.289	22.491.289	22.491.289	22.491.289
Tiền điện	12	075	6501	00000	0	0	17.849.946	17.849.946	17.849.946	17.849.946
Tiền nước	12	075	6502	00000	0	0	4.841.250	4.841.250	4.841.250	4.841.250

Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	12	075	6601	00000	0	0	377.226	377.226	377.226	377.226
Cước phí bưu chính	12	075	6603	00000	0	0	379.412	379.412	379.412	379.412
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	12	075	7012	00000	0	0	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	12	075	7053	00000	0	0	3.505.090	3.505.090	3.505.090	3.505.090
Chi đào tạo học sinh Lào	12	075	7401	00000	0	0	14.193.970	14.193.970	14.193.970	14.193.970
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	12	075	7854	00000	0	0	2.106.000	2.106.000	2.106.000	2.106.000
Chi đào tạo học sinh Lào	12	085	7401	00000	0	0	251.674.507	251.674.507	251.674.507	251.674.507
Cộng:					0	0	3.905.738.863	3.905.738.863	3.905.738.863	3.905.738.863
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

Kế toán

Kiểm soát

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Thu Huyền

Người ký: Phạm Thị Nụ
Ngày ký: 06/04/2026 16:45:01
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN khu vực X - Phòng Kế toán Nhà nước

Phạm Thị Nụ

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Bùi Thế Anh
Ngày ký: 06/04/2026 10:08:36
Đơn vị: Trung tâm giáo dục Nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên I

Người ký: Phạm Thuý
Ngày ký: 06/04/2026 14:21:56
Đơn vị: Trung tâm giáo dục Nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên I

Bùi Thế Anh

Phạm Thuý